TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG** Bản án số: 48/2025/DS-ST Ngày: 27 - 5 - 2025 V/v: tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Thuỷ.

2. Bà Huỳnh Ngọc Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mùi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên toà: Trường hợp không tham gia.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 52/2025/QĐST-DS ngày 12/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị B,** sinh năm 1956 – Chủ hộ kinh doanh tên Phương T.

Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1953. (theo giấy uỷ quyền ngày 09/4/2024) (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số L V, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Hồ Văn D**, sinh năm 19... (vắng mặt)

HKTT: Số A L, khu phố F, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số A L, khu phố F, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Minh V**, sinh năm 1953. (có mặt)

Địa chỉ: Số L V, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh V đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Nguyên vào ngày 24 tháng 12 năm 2018, ông Hồ Văn D có nhờ ông V là chồng bà B là chủ tiệm cầm đồ Phương T cầm cố giấy đăng ký chiếc xe ô tô hiệu MERCEDES, biển kiểm soát số: 68A-104.17 với số tiền là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 03%/tháng, hẹn thời gian 01 tháng sẽ chuộc, nghĩ chỗ tình nghĩa anh, em với ông V và ông D với ông V là chỗ thân tình, nên bà B đồng ý cho ông D cầm cố giấy tờ chiếc xe nêu trên, nhưng sau đó khoảng 03 ngày ông D nhờ ông V đứng ra bảo lãnh cho ông D không thế chấp giấy tờ xe để ông D làm thủ tục bán xe và lấy tiền chuộc lại xe, nghe ông D nói hoàn cảnh đang khó khăn nên ông V đứng ra bảo lãnh cho ông D lấy lại giấy tờ xe, từ lúc cầm cố giấy tờ xe cho đến nay ông D chỉ có đưa cho ông V, bà B 04 (bốn) lần với số tiền là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) để đóng lãi, bà B nhiều lần kêu ông D đóng lãi và trả tiền gốc nhưng ông D hứa nhiều lần nhưng cũng không trả. Sau đó, ông V có gặp ông D tại quán C góc đường C và đường C, ông D nói với ông V là mẹ ông D đang bệnh nhiều, vợ ông D cũng đang bị bệnh nên lúc này ông D khổ lắm, kêu thông cảm dùm cho ông D và ông D đang kêu bán mấy xe, bán được chiếc nào thì ông D trả tiền cho ông V liền kể cả vốn và lãi, rồi sau lần đó thì ông V không còn liên lạc được với ông D nữa, tìm đến nhà thì không gặp, điện thoại nhiều nhưng ông D không nghe điện thoại. Đến ngày 26 tháng 4 năm 2023, ông V gặp vợ chồng ông D tại GARA sửa xe L đường C, ông V hỏi ông D tiền chuộc xe và đóng lãi, thì ông D nói không trả tiền cho ông V, ông D còn thách thức bà B, ông V đi thưa.

Nay yêu cầu ông Hồ Văn D trả tiền cho bà B số tiền cầm cố xe ô tô là 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 24/01/2019 cho đến khi xét xử xong vụ kiện, ông V đồng ý cấn trừ tiền lãi đã đóng là 18.000.000 đồng cho ông D.

Bị đơn ông Hồ Văn D trình bày: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông D, ông D biết việc bà B yêu cầu khởi kiện tranh chấp số tiền cầm cố xe, khi Toà án xuống làm việc thì ông D có mặt ở nhà nhưng có ý kiến bằng miệng là không còn nợ tiền cầm cố xe của bà B vì ông đã lấy xe về, ông D có ký tên trong tờ giấy do ông V đưa ký mà không có ghi gì, ông D không cho Toà án ghi lời khai, ông D không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì và cũng không ký nhận văn bản tố tụng nào của Toà án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ông D vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Ngô Thị B là chủ hộ kinh doanh tên Phương T có đơn khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn D phải trả cho bà B số tiền cầm đồ còn nợ và tiền lãi suất theo

quy định của pháp luật, bị đơn ông D có địa chỉ cư trú tại số A L, khu phố F, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, do đó theo quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Toà án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản căn cứ theo Điều 309 Bộ luật dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Hồ Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông D vắng mặt tại phiên tòa. Đây là trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn ông D. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà B đối với yêu cầu ông D trả số tiền cầm cố tài sản là 150.000.000 đồng, Toà án nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ của hồ sơ do nguyên đơn đã cung cấp thể hiện: Việc cầm cố tài sản giữa bà B – chủ hộ kinh doanh tên Phương T và ông D đối với số tiền 150.000.000 đồng thì giữa các bên có viết biên nhận cầm đồ đề ngày 24/12/2018 nội dung biên nhận các bên có thoả thuận về tên vật cầm là xe Mercedes, biển đăng ký 68A – 104.17, số tiền cầm là 150.000.000 đồng, thời hạn là 30 ngày, lãi suất là - 03%/tháng (4.500.000 đồng), kể từ ngày 24/12/2018 DL đến ngày 24/01/2019 DL, người cầm ông Hồ Văn D ký và ghi rõ họ tên. Theo biên nhận cầm đồ trên thì cầm đồ chiếc xe Mercedes nhưng thực tế nguyên đơn cầm giấy tờ xe của chiếc xe nêu trên. Việc ký kết hợp đồng cầm cố tài sản nêu trên là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó".* Tuy nhiên, ông D không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như xác định trách nhiệm đối với khoản nợ ông D nợ nguyên đơn như trong biên nhận cầm đồ ngày 24/12/2018 hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Mặc dù, Toà án đã thông báo yêu cầu ông D cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng ông D cũng không có ý kiến bằng văn bản cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Toà án. Như vậy, ông D đã mặc nhiên thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D chưa thanh toán số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng cho bà B mà

chỉ trả 18.000.000 đồng tiền lãi, nên ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông D về việc yêu cầu trả số tiền cầm gốc 150.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 280 và Điều 309 Bộ luật dân sự nên Toà án chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu về lãi suất tính từ ngày 24/12/2018 đến ngày xét xử: Toà án nhận thấy: Căn cứ vào khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định "Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quả tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự" và đối chiếu tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định "Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác". Việc thỏa thuận mức lãi suất của bà B và ông D tại biên nhận cầm cố nêu trên không phù hợp với quy định của pháp luật, tuy nhiên tại phiên toà đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, bà B yêu cầu tiền lãi suất kể từ ngày 24/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/5/2025 là có căn cứ nên Toà án chấp nhận.

Do vậy lãi suất được tính là 150.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 76 tháng = 189.240.000 đồng -18.000.000 đồng tiền lãi đã trả = 171.240.000 đồng tiền lãi phải trả, tại phiên toà ông V chỉ yêu cầu ông D trả số tiền lãi là 60.000.000 đồng nên Toà án ghi nhận.

Từ những nhận định trên, Toà án có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B – chủ hộ kinh doanh tên Phương T.

Đối với giấy tờ xe cầm của chiếc xe Mercedes, biển đăng ký 68A – 104.17, ông V xác nhận đã giao giấy tờ xe cho ông D, ông D cũng cho rằng đã lấy lại xe nên Toà án không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Toà chấp nhận nên bị đơn ông D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 210.000.000đ = 10.500.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 309, 314, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị B – Chủ hộ kinh doanh tên Phương T

2. Buộc ông Hồ Văn D phải thanh toán cho bà Ngô Thị B số tiền cầm xe là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.500.000 đồng (Mười triệu, năm trăm nghìn đồng).

Bà Ngô Thị B được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Rạch Giá;
- CCTHADS TP Rạch Giá;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Quyên

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Thị Q

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Rạch Giá;
- CCTHADS TP Rạch Giá;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Quyên